

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2020/ DS-ST

Ngày: 18 /12/2020

v/v: “TCQSH tài sản gắn liền với đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễnễn Quang Hợp

Ông Nguyễnễn Đức Tuấn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễnễn Xuân Mừng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2020 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐST – DS, ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễnễn Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm L, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: bà Nguyễn Thị Thanh Nghĩa – Luật sư.

Bị đơn: Ông Lê Văn Y, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm Đ, xã P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lại Anh T, sinh năm 1967

Anh Lại Văn T1, sinh năm 1979 (ủy quyền cho chị H)

Anh Lại Văn D, sinh năm 1982 (ủy quyền cho chị H)

Anh Lại Vinh D, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Xóm L, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Lại Thị L, sinh năm 1987 (ủy quyền cho chị H)

Địa chỉ: Lô 41, đường B, tổ 14, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962

Bà Lý Thị T, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Xóm L, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn Văn K (Có mặt)

Chị Vũ Thị K

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Ông Trần Văn D, sinh năm 1949

Địa chỉ: Xóm La Lang, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.(Có mặt)

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai, Nguyên đơn **chị Nguyễn Thị H trình bày**: Năm 1979 bố mẹ chồng tôi là ông Lại Viết T và bà Nguyễn Thị H khai phá đất tại xóm L, xã C được khoảng trên 10000m² để trồng màu và trồng chè. Năm 2000 UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất cho bố chồng tôi là Lại Viết T với diện tích 5200m², thửa số 42 TBĐ số 392, diện tích còn lại chưa được cấp Giấy CNQSD đất. Năm 2006 bố mẹ chồng tôi cho vợ chồng tôi quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Vợ chồng tôi tiếp tục trồng màu và trồng chè, trồng cây ăn quả.

Năm 2015 gia đình tôi được thông báo là đất của gia đình bị thu hồi làm dự án Trường thử công nghệ nhà máy Z131. Đất của gia đình tôi bị thu hồi gần 8000m², diện tích còn lại nằm phía trên đồi có diện tích 2666,3m² chưa bị thu hồi. Tuy nhiên, khi đo đất để thu hồi, chính quyền chỉ đo của gia đình tôi 5169,4m² nên tôi yêu cầu phải đo đủ đất cho gia đình tôi. Khi đo lại diện tích đất bị thu hồi thì phát sinh tranh chấp với ông Lê Văn Y, trú tại xóm Đ, xã P, thị xã P với diện tích tranh chấp là 3525,1m² ở dưới chân đồi.

Trong quá trình hai bên giải quyết tranh chấp, anh Y thấy đất không phải của mình nên anh Y xin vợ chồng tôi cho một phần nhỏ. Để không phải kiện ra Tòa án nên vợ chồng tôi đồng ý cắt cho anh Y 531,2m² và anh Y nhất trí, nhưng anh Y lại tiếp tục đòi tiếp phần còn lại. Hai bên đã được UBND xã C hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Khi giải quyết tranh chấp tại UBND xã C, phía anh Y cho rằng anh mua đất của ông Nguyễn Văn K, xóm đầu C, xã C. Ông Nguyễn Văn K được cấp Giấy CNQSD đất vào năm 2014, thửa số 505 diện tích 10534m². Việc anh Y mua đất của ông K hay không thì tôi không biết nhưng thửa đất 505 diện tích 10534m² là đất của ông Trần Văn D, trú tại xóm L, xã C và đất này thuộc vị trí bên kia đất nước chảy, còn toàn bộ đất của gia đình tôi, trong đó có diện tích tranh chấp trên thuộc bên này đất nước chảy. Như vậy, đất của gia đình tôi và đất của ông D ngăn cách bằng một đất nước chảy từ trên đồi xuống. Bên kia đất nước là của ông D, còn bên này đất nước là của gia đình tôi.

Ngày 21/8/2017 UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất số 460 đối với diện tích đang tranh chấp thành 2 thửa khác nhau

Theo bản đồ thu hồi thuộc thửa số 738 TBĐ số 2 diện tích 531,2m² diện tích này mang tên anh Y và thửa 736 TBĐ số 2 diện tích 2.993,9m² mang tên tôi. Tổng diện tích 2 thửa đất là 3525,1m². Toàn bộ diện tích đất tranh chấp này thuộc quyền quản lý hợp pháp của gia đình tôi.

Ngày 21/8/2017 UBND huyện Đ ban hành quyết phê duyệt phương án bồi thường đối với 02 thửa đất số tiền là 238.056.300đ. Toàn bộ cây trên đất là cây chè do gia đình tôi trồng từ nhiều năm qua và gia đình tôi đã kê khai, kiểm đếm.

Nay tôi khởi kiện ra Tòa án nhân huyện Đại Từ đề nghị Tòa án công nhận quyền sở hữu số tiền 238.056.300đ là của gia đình tôi.

Anh Lại Văn D, anh Lại Văn T và chị Lại Thị L (ủy quyền cho chị H)

Lời khai của bị đơn anh Lê Văn Y trình bày: Ngày 25/01/2015 tôi có mua của ông Nguyễn Văn K và vợ là Vũ Thị K, trú tại xóm Đ, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên 10.534m² đất trồng rừng sản xuất tại thửa 505 TBĐ số 3 thuộc khu vực gốc Trám xã C, huyện Đ. Khi mua có hợp đồng chuyển nhượng đất, ông Kiên đã có Giấy CNQSD đất từ năm 2014. Đến năm 2017 khi dự án Nhà máy Z131 làm thủ tục thu hồi và bồi thường đất thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng chị H. Diện tích đất tranh chấp là 3525,1m² nằm trên thửa 738 TBĐ số 2 và thửa 736 TBĐ số 2 của xã C với số tiền được phê duyệt bồi thường là 238.056.300đ. Tôi xác định thửa đất 736 diện tích 2993,9 m² là một phần thửa 505 tôi mua của ông K và bà K; còn thửa 738 diện tích 531,2 m² là tôi mua của ông T. Phần đất tôi mua của ông T năm 2015. Nay chị H khởi kiện đòi quyền sở hữu đối với số tiền trên tôi không nhất trí.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn Y có đơn phản tố đề ngày 13/5/2019 với nội dung Đề nghị Tòa án công nhận số tiền đền bù quyền sử dụng đất của anh Y theo hợp đồng chuyển nhượng đã được ủy ban nhân xã C xác nhận với phần diện tích đất mua của anh Nguyễn Văn K.

Lời khai của ông Trần Văn D trình bày: Tôi là bố nuôi anh Nguyễn Văn K, vợ là Vũ Thị K. Năm 1997 tôi có khai phá một mảnh đồi diện tích 1,6ha tại Gò hình nhai Gốc Trám, xã C. Đến năm 2001 tôi cho vợ chồng anh K, chị K. Hiện nay theo tôi biết là anh K đã bán toàn bộ diện tích này cho anh Y là người ở thị xã P. Tôi xác định ban đầu tôi không có tranh chấp gì đối với thửa đất này. Thửa đất của gia đình bà H (đã cho chị H, anh D) cách thửa đất tôi cho anh K là rãnh nước chảy. Khi tôi còn canh tác bà H có trồng cây lên một phần đất của tôi nhưng đến khi con trai tôi (anh K) làm bìu đổ thì đã giải quyết xong việc tranh chấp này. Phần đất đang tranh chấp hiện nay thuộc diện tích tôi đã cho anh K từ năm 2001.

Lời khai của anh Nguyễn Văn K, chị Vũ Thị K trình bày: Năm 2015 vợ chồng tôi có bán cho anh Lê Văn Y diện tích 10534m² đất rừng tại thửa 505 TĐĐ số 3. Khi bàn giao đất cho anh Y chúng tôi có bàn giao ranh giới cụ thể. Chúng tôi xác định thửa đất bán cho anh Y cách thửa đất của bà Hộ (đã cho chị H, anh D) một rãnh nước khoảng 30 phân do chúng tôi đào. Hiện tại việc mua bán giữa vợ chồng tôi và anh Y đã xong, chúng tôi không có tranh chấp gì với anh Y. Phần diện tích đang tranh chấp giữa chị H và anh Y tôi xác định đó là phần diện tích nằm trong thửa 505 tôi đã chuyển nhượng cho anh Y. Nay chị H khởi kiện anh Y chúng tôi không có ý kiến gì.

Lời khai bà Lý Thị T, ông Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2015 tôi có bán cho anh Lê Văn Y diện tích 7861m² đất rừng tại thửa 565 TĐĐ số 3, việc mua bán đã xong, chúng tôi đã nhận đủ tiền. Nay chúng tôi xác định là không có liên quan gì đến vụ án trên.

Lời khai của anh Lại Anh T trình bày: Tôi là con bà Nguyễn Thị H và ông Lại Viết Thanh. Lô đất rừng tại số 42 diện tích 0,52ha mang tên bố tôi là Lại Viế T. Bố mẹ tôi đều đã chết, hiện thửa đất trên bố mẹ tôi chưa làm thủ tục cho ai. Trước đây mẹ tôi đã ủy quyền cho chị H khởi kiện, nay mẹ tôi đã chết, tôi sẽ làm thủ tục ủy quyền cho anh D và chị H thay tôi tham gia việc kiện tại Tòa án.

Lời khai của anh Lại Vinh D trình bày: Tôi là con bà Nguyễn Thị Hộ và ông Lại Viết Thanh. Lô đất rừng tại số 42 diện tích 0,52ha mang tên bố tôi là Lại Viế T. Bố mẹ tôi đều đã chết, hiện thửa đất trên bố mẹ tôi chưa làm thủ tục cho ai. Trước đây mẹ tôi đã ủy quyền cho chị H khởi kiện, nay mẹ tôi đã chết, tôi sẽ làm thủ tục ủy quyền cho anh D và chị H thay tôi tham gia việc kiện tại Tòa án.

Lời khai của UBND huyện Đ trình bày: - Thửa đất 738 TĐĐ số 2 nằm trong ranh giới GPMB dự án Nhà máy Z 131 là 531,2m² xác định theo tờ bản đồ trích lục, chỉnh lý bản đồ địa chính xã C năm 2016. Theo biên bản kiểm kê đất ngày 16/12/2015 (ông Nguyễn Văn D đã ký) đã xác định đối chiếu thửa đất 738 TĐĐ số 2 với bản đồ lâm nghiệp đo đạc năm 2004 xã C xác định một

phần tại thửa 565 TĐĐ số 3 theo hồ sơ và bản đồ lâm nghiệp có diện tích là 7861m² (việc đối chiếu giữa bản đồ trích lục, chỉnh lý năm 2016 với bản đồ lâm nghiệp đo đạc năm 2004 bằng phương pháp thủ công, chưa xác định tọa độ chính xác thửa đất theo bản đồ lâm nghiệp trên thực địa)

- Thửa đất 736 TĐĐ số 2 nằm trong ranh giới GPMB dự án Nhà máy Z 131 là 2993,9m² xác định theo tờ bản đồ trích lục, chỉnh lý bản đồ địa chính xã C năm 2016. Theo biên bản kiểm kê đất ngày 16/12/2015 (ông Nguyễn Văn D đã ký) đã xác định đối chiếu thửa đất 736 TĐĐ số 2 với bản đồ lâm nghiệp đo đạc năm 2004 xã Cn xác định một phần tại thửa 505 TĐĐ số 3 theo hồ sơ và bản đồ lâm nghiệp có diện tích là 10534m² (việc đối chiếu giữa bản đồ trích lục, chỉnh lý năm 2016 với bản đồ lâm nghiệp đo đạc năm 2004 bằng phương pháp thủ công, chưa xác định tọa độ chính xác thửa đất theo bản đồ lâm nghiệp trên thực địa)

Về hồ sơ pháp lý các thửa đất: Thửa 505 TĐĐ số 3 (bản đồ lâm nghiệp đo năm 2004) diện tích 10534m², UBND huyện Đại Từ cấp Giấy CNQSD đất số BR 986019 cho ông Nguyễn Văn K vợ là bà Vũ Thị K – Xóm Đ, xã C. Hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất là đúng theo quy định của pháp luật.

Thửa đất 565 TĐĐ số 3 (bản đồ lâm nghiệp đo năm 2004) diện tích 7861m², UBND huyện Đ đã cấp Giấy CNQSD đất số BR 853317 cho ông Nguyễn Văn T vợ là Lý Thị T – xóm L, xã C. Hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất là đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường GPMB đối với các thửa đất có tranh chấp: Thửa đất 738 TĐĐ số 2 nằm trong ranh giới GPMB dự án Nhà máy Z 131 là 531,2m² và Thửa đất 736 TĐĐ số 2 nằm trong ranh giới GPMB dự án Nhà máy Z 131 là 2993,9m², UBND huyện Đ đã chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã C, chủ dự án lập hồ sơ kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB chi 02 hộ có tranh chấp là ông Lê Văn Y và ông Lại Văn D (đồng quyền sử dụng) theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn Y, UBND huyện Đ Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ xem xét các hồ sơ, tài liệu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của KSV tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với phần đất rừng tranh chấp có diện tích 531,2m², bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị H đối với phần đất tranh chấp có diện tích 2993,9m²; công nhận quyền sử dụng đất cho ông Y phần diện tích 2993,9m² (phần đất trên đã có

quyết định thu hồi, bồi thường, GPMB). UBND huyện Đ có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho chị Nguyễn Thị H, anh Lại Văn D và ông Lê Văn Y theo quy định. Các đương sự phải chịu án phí DSST sung công quỹ Nhà nước.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tuy nhiên các bên không thống nhất với nhau nên vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thảo luận và nghị án.

*** Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ kiện Tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất giữa Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, với bị đơn là ông Lê Văn Y. Phần tài sản tranh chấp ở tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Về nội dung:** Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Theo như lời khai của chị H thì phần đất tranh chấp với gia đình ông Lê Văn Y có nguồn gốc do bố mẹ chồng chị H là ông Lại Viết T và bà Nguyễn Thị H khai phá từ năm 1979, năm 2001 thì ông T được cấp Giấy CNQSD đất năm 2000. Sau đó ông T bà H có cho vợ chồng chị H anh D trực tiếp sử dụng (chưa có giấy tờ tặng cho, chưa được sang tên QSD đất). Gia đình chị H, anh D sử dụng đến năm 2015 thì thửa đất bị thu hồi, GPMB để làm dự án Trường thử công nghệ nhà máy Z131. Phần diện tích của gia đình chị H bị thu hồi thành 2 thửa: Theo bản đồ thu hồi thuộc thửa số 738 TBĐ số 2 diện tích 531,2m² diện tích này mang tên anh Lê Văn Y và thửa 736 TBĐ số 2 diện tích 2.993,9m² mang tên Nguyễn Thị H, Lại Văn D. Tổng diện tích 2 thửa đất là 3525,1m². Phía chị H xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp này thuộc quyền quản lý hợp pháp của gia đình chị H nên đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ đề giải quyết theo quy định.

Phía anh Lê Văn Y xác định phần diện tích đang tranh chấp với gia đình chị H có tổng diện tích 3525,1m² trên thửa 738 TBĐ số 2 và thửa 736 TBĐ số 2. Phía anh Y xác định phần đất trên có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn K, bà Vũ Thị K và nhận chuyển nhượng của bà Lý Thị T, ông Nguyễn Văn T vào năm 2015. Gia đình ông K và vợ là bà K, gia đình ông T vợ là bà Lý Thị T đã được cấp Giấy CQNSD đất theo quy định. Hai bên đã làm thủ tục chuyển nhượng và có xác nhận của UBND xã C theo quy định, nhưng chưa làm thủ tục sang tên QSD đất. Nay chị H khởi kiện anh Y nhất trí giao cho chị H phần diện tích 531,2m² tại thửa 738 TBĐ số 2; còn đối với phần diện tích 2993,9m² tại thửa 736 TBĐ 2 số 2 anh Y không nhất trí.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã C thì xác định: Thửa đất tranh chấp gồm 2 thửa 738 TĐĐ số 2 diện tích 531,2m² và thửa 736 TĐĐ số 2 diện tích 2993,9m². Đối chiếu trên bản đồ lâm nghiệp đo năm 2004 thì phần đất đang tranh chấp nằm tại vị trí giáp ranh giữa 3 thửa giữa ông Lại Viết T (bố chồng chị H), ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T cụ thể:

+ Thửa 736 nằm ở phần giáp ranh giữa thửa 505 của ông K và thửa 564 của ông T.

+ Thửa 738 nằm ở phần giáp ranh giữa thửa 564 và thửa 565 của ông Tài.

Về diện tích các thửa theo bản đồ địa chính, bản đồ lâm nghiệp thì thấy trung khớp với bản đồ thu hồi đất cụ thể:

+ Thửa 564 diện tích 7936m² đã bị thu hồi 5169,4m². Diện tích còn lại 2666,6m² nằm ngoài quy hoạch dự án. Thửa 564 đối chiếu với bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1999 là thửa 42 – IB khoảng 5, TĐĐ số 3 tiêu khu 392 xã C diện tích 0,52ha. Theo sổ cấp Giấy CNQSD đất ông Lại Viết T được cấp Giấy CNQSD đất với diện tích 0,52ha tại thửa 42 số seri R 921766 cấp năm 2000.

+ Thửa 505 diện tích 10534m² hiện nay đã bị thu hồi toàn bộ. Tuy nhiên có tranh chấp nên được đã được thống nhất tách thành 2 thửa 505 diện tích 7540,1m² và thửa 736 diện tích 2993,9m² (hiện đang tranh chấp).

+ Thửa 565 diện tích theo bản đồ địa chính, lâm nghiệp là 7861m². Theo bản đồ thu hồi thành các thửa 565 diện tích 6000m²; thửa 717 diện tích 581,4m²; thửa 718 diện tích 748,4m²; thửa 738 diện tích 531,2m² (Đang tranh chấp).

Thửa 565 diện tích 7861m² thì năm 2015 ông Nguyễn Văn Tài đã bán cho anh Lê Văn Y.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2018 thì thửa đất tranh chấp giữa chị H và anh Y tại thửa 736 TĐĐ số 2 có diện tích 2993,9m² có ranh giới cụ thể sau: Phía bắc giáp thửa 505 TĐĐ số 2 là thửa đất ông Tài chuyển nhượng cho anh Y. Phía đông giáp thửa 737 và một phần thửa 505 TĐĐ số 2. Phía tây giáp thửa 563 TĐĐ số 2. Phía nam giáp thửa 564 TĐĐ số 2 là thửa đất của chị H, anh D đang sử dụng. Toàn bộ phần đất và tài sản trên đất đã có quyết định bồi thường, GPMB theo dự án Trường thử công nghệ Z131.

Tại biên bản hòa giải tại UBND xã C phía chị H cũng xác định thửa đất của gia đình chị là thửa 564 đã được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất cho ông Lại Viết T (bố chồng chị H). Căn cứ theo lời khai của những người liên quan là ông Nguyễn Văn K, bà Vũ Thị K xác định thửa đất số 505 TĐĐ số 3 (bản đồ lâm nghiệp đo năm 2004) diện tích 10534m², UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất số BR 986019 cho ông Nguyễn Văn K vợ là bà Vũ Thị K – Xóm Đ, xã C. Lời khai của ông T bà T xác định thửa đất 565 TĐĐ số 3 (bản đồ lâm

nghiệm đo năm 2004) diện tích 7861m², UBND huyện Đ đã cấp Giấy CNQSD đất số BR 853317 cho ông Nguyễn Văn T vợ là Lý Thị T – xóm L, xã C. UBND huyện Đ xác định hồ sơ cấp Giấy CQNSD đất cho hộ ông K, bà K và hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông T và bà T là đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy toàn bộ diện tích đất tại thửa 736 TĐĐ số 2 có diện tích 2993,9m² nằm trong diện tích đất thửa 505 của gia đình anh K chuyển nhượng cho anh Y.

Tại biên bản xác minh ngày 18/12/2017 do phía Nguyên đơn cung cấp có nội dung: Bà Lý Thị T (vợ ông T) xác định phần đất tranh chấp có diện tích 531,2m² tại thửa 738 TĐĐ số 2 là đất của chị H, anh D, không phải là đất của gia đình bà T và ông T. Ngoài ra phía chị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để xác định quyền sử dụng đất của mình đối với diện tích tại thửa 736 TĐĐ số 2. Ông Y xác định đối với phần diện tích tranh chấp tại thửa 738 diện tích 531,2m² ông Y nhất trí giao lại cho chị H để chị H lấy tiền bồi thường, GPMB theo quy định nên HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với phần diện tích 531,2m² là phù hợp.

Phía anh Y có đơn phản tố đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích đang tranh chấp với chị Nguyễn Thị H. Phần diện tích 2993,9m² tại thửa 736 anh Y đề nghị công nhận quyền sử dụng là của anh Y. HĐXX xét thấy yêu cầu phản tố của anh Y tuy nộp yêu cầu sau khi Tòa án tiến hành hoà giải nhưng đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà đối với phần diện tích 2993,9m² tại thửa 736 vẫn thuộc quyền quản lý của anh Y. Do vậy việc chấp nhận hay không chấp nhận không ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Y. Do phần diện tích đất tranh chấp đã bị bồi thường, thu hồi GPMB cho dự án Trường thử công nghệ Z131 nên việc giao quyền sở hữu đối với số tiền được bồi thường, GPMB đối với các thửa đất là phù hợp.

Giao cho chị H, anh D được quyền sở hữu đối với số tiền bồi thường GPMB tại thửa 738 TĐĐ số s2 có diện tích 531,2m²

Giao cho ông Y được quyền sở hữu đối với số tiền bồi thường GPMB tại thửa 736 TĐĐ số 2 có diện tích 2993,9m²

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho anh Lê Văn Y và chị Nguyễn Thị H, anh Lại Văn D theo diện tích nêu trên.

Về lệ phí thẩm định: Các đương sự đều phải chịu lệ phí thẩm định theo quy định.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản Điều 12, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

TuY xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H
Công nhận số tiền bồi thường trên thửa đất 738 TĐĐ số 2 (bản đồ thu hồi) diện tích 531,2m² đất rừng sản xuất của gia đình chị Nguyễn Thị H và anh Lại Văn D.

2. Công nhận số tiền bồi thường trên thửa đất 736 TĐĐ số 2 (bản đồ thu hồi) diện tích 2993,9m² đất rừng sản xuất của anh Lê Văn Y.

(Toàn bộ diện tích đất trên đã được Nhà nước có quyết định thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng).

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho chị Nguyễn Thị H, anh Lại Văn D và anh Lê Văn Y theo diện tích nêu trên.

2. Về lệ phí thẩm định: Các đương sự cùng phải chịu lệ phí thẩm định. Chị H đã tạm ứng toàn bộ số tiền thẩm định là 2.000.000đ; anh Y có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền là 1.000.000đ tiền lệ phí thẩm định.

3. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sung công quỹ nhà nước, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị H, phải chịu 300.000đ án phí DSST sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011965, ngày 09/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn trả chị H số tiền còn lại là 5.650.000 đồng.

Anh Lê Văn Y phải chịu 300.000đ án phí DSST sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012773, ngày 14/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt; kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯƠNG ĐỨC LONG